

Bản án số: 539 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 26-8-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á
2. Bà Phạm Hoàng Diễm My

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ánh T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã H, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Đặng Xuân M, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu phố 2, phường T, thị xã H, tỉnh B.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Kim Sơn và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ánh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh T và anh Đặng Xuân M tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh B (nay là thị xã H) vào ngày 15 tháng 4 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh M không quan tâm đến vợ con, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, hôn nhân không hạnh phúc, cha mẹ gia đình hai bên đã hoà giải nhưng anh M vẫn không thay đổi, chị T và anh M đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2019 cho đến khi anh M vi phạm pháp luật và chấp hành án phạt tù tại Trại giam Kim Sơn. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Xuân M để ổn định cuộc sống.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Trần Nhựt C, sinh ngày 16/8/2015 và Đặng Nhựt L, sinh ngày 17/3/2019, hiện nay hai cháu đang ở với chị T. Ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháu C và cháu L, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Xuân M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, điều kiện, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn anh M thống nhất như lời khai của chị T, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh M đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh của hai con đúng như chị T đã trình bày, ly hôn anh M đồng ý giao hai con chung Đặng Trần Nhựt C và Đặng Nhựt L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Đặng Xuân M hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Kim Sơn và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 51,56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ánh T được ly hôn anh Đặng Xuân M.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Trần Nhật C, sinh ngày 16/8/2015 và Đặng Nhật L, sinh ngày 17/3/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

+ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Ánh T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã H giải quyết việc hôn nhân và gia đình của chị; Bị đơn anh Đặng Xuân M cư trú tại Khu phố 2, phường T, thị xã H, tỉnh B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã H.

Anh Đặng Xuân M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã H tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh T và anh Đặng Xuân M tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã H), tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2015 ngày 15/4/2015. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh M không quan tâm đến gia đình nên tình cảm ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do đó, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M để ổn định cuộc sống. Anh M thừa nhận vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Biên bản xác minh ngày 07/7/2022 tại phòng Lao động Thương Binh và xã Hội thị xã H thể hiện: tình trạng hôn nhân vợ chồng chị Trần Thị Ánh T và anh Đặng Xuân M phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì cơ quan không rõ; về giao con chung thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh M đều xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị T yêu cầu ly hôn và được anh M đồng ý, điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích Hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con chung: Chị T và anh M có hai con chung tên Đặng Trần Nhựt C, sinh ngày 16/8/2015 và Đặng Nhựt L, sinh ngày 17/3/2019. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M thống nhất giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị T có việc làm, thu nhập ổn định, hai cháu còn nhỏ và hiện nay đang ở ổn định với chị T, đồng thời cháu C có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu

nên cần giao hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí về hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ánh T và anh Đặng Xuân M.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Trần Nhựt C, sinh ngày 16/8/2015 và Đặng Nhựt L, sinh ngày 17/3/2019 cho chị Trần Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chi T đã nộp theo biên lai thu số 0002111 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã H;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Bích